

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/DS-ST

Ngày 18-4-2025

Về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hương

2. Ông Lê Thành Thanh Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn T. T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp , xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Lê T. T, sinh năm 19xx và Nguyễn T. D, sinh năm 19xx. Cùng địa chỉ: Ấp , xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(bà Nguyễn T. T có mặt; anh Lê T. T, chị Nguyễn T. D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn T. T trình bày: Bà có bán thức ăn tôm cho vợ chồng anh Lê T. T, chị Nguyễn T. D từ nhiều năm nay. Khi giao dịch mua bán, hai bên có thỏa thuận là bà bán thức ăn nuôi tôm cho anh T, chị D trước, đến khi thu hoạch thì anh T, chị D sẽ thanh toán tiền lại cho bà. Nhưng anh T, chị D không thanh toán tiền cho bà, đến ngày 13/9/20xx hai bên tổng kết lại số tiền anh T, chị D còn nợ bà là 304.630.000 đồng. Bà nhiều lần nhắc nhở anh T chị D trả tiền nợ nhưng không được.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/20xx, bà T khởi kiện đối với bị đơn là anh Lê T. T và chị Nguyễn T. D, tuy nhiên ngày 18/4/20xx, bà T rút lại yêu cầu đối với anh

T, Bà không yêu cầu gì đối với anh T trong vụ án này. Nay bà yêu cầu chị D trả số tiền mua thức ăn tôm còn nợ là 304.630.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực.

* Quá trình tố tụng bị đơn anh Lê T. T, chị Nguyễn T. D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về “Hợp đồng mua bán tài sản” được xem xét, giải quyết theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyễn đơn bà T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh T, chị D vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T, chị D không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh T, chị D vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của anh T, chị D không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Việc bà T rút lại yêu cầu đối với anh T, bà không yêu cầu gì đối với anh T trong vụ án này. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T. T là có căn cứ. Bởi lẽ, bà cung cấp chứng cứ là “Giấy ký nhận tiền nợ thức ăn tôm” viết tay do chị D ký nhận nợ với bà T vào ngày 08/3/2024. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị D không đến Tòa trình bày ý kiến của bị đơn. Chị D không có ý kiến phản đối gì, cũng không đưa ra chứng cứ trả tiền. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận chị D có nợ tiền mua thức ăn tôm của bà T số tiền là 304.630.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng). Do đó, chị D phải có nghĩa vụ trả cho bà T.

[4] Về thời gian trả tiền: Bà T yêu cầu chị D trả tiền mua thức ăn tôm ngay khi án có hiệu lực. Xét thấy, chị D còn nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của bà T là có thật nên cần buộc chị D có trách nhiệm trả tiền theo yêu cầu của bà T là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên chị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T. T.

1. Buộc chị Nguyễn T. D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn T. T số tiền nợ mua thức ăn tôm 304.630.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn T. D phải chịu 15.231.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự.

Bà Nguyễn T. T không phải chịu tiền án phí, bà đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T, chị D, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm